

Số: 5404/NĐCP-KHĐTVT

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

V/v: Thư mời khảo sát và báo giá vật tư

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Van, khóa nối xích, bộ gioăng của van
- Số hiệu đơn hàng: 320/ĐH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Chi tiết như bảng kê đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về thương mại:

- **Cung cấp:** Giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương của hãng Clyde Bergeman cho hàng hóa của hãng Clyde Bergeman (hoặc hãng tương đương nếu chào giá hãng tương đương).

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.

- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P. Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 180 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.

- Thời gian giao hàng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào giờ hành chính các ngày thứ 2, thứ 5 trong tuần không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

Xử lý tình huống:

- Trong trường hợp Bên B có sẵn hàng hóa và Bên A có nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa theo nhu cầu bằng văn bản của bên A thông qua gửi trực tiếp/Fax/Email.

- Trong trường hợp Bên B giao hàng vào ngày cuối cùng của thời gian thực hiện hợp đồng, không phải là thứ 2 hoặc thứ 5 thì Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào ngày thứ 2/thứ 5 kế tiếp (ngày gần nhất với ngày hết hạn thực hiện hợp đồng) hoặc vào các ngày kế tiếp theo nhu cầu của Bên A và không tính là vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa
- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 60 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

b. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa sản xuất năm 2024 trở lại đây, phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng.

+ Với các mục hàng nhập khẩu: Cấp CO, CQ (các loại van). Đối với các mục hàng còn lại cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa, riêng các mục hàng hóa có đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên hoặc có đơn giá dưới 20 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm sau thuế hơn 50 triệu đồng yêu cầu cấp CO, CQ.

+ Với các mục hàng xuất xứ Việt Nam: Cấp CQ (các loại van). Riêng các mục hàng có đơn giá từ 10 triệu đồng trở lên hoặc có đơn giá dưới 10 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm sau thuế hơn 50 triệu đồng yêu cầu cấp CQ của nhà sản xuất.

Ghi chú: CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, trên CO, thể hiện đơn vị nhập khẩu là Doanh nghiệp/ Hộ kinh doanh...hợp pháp tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng hoặc các văn bản có giá trị tương đương của Nhà sản xuất. Yêu cầu cấp bản công chứng. (Nếu số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc). Trong trường hợp CO, CQ được viết bằng ngôn ngữ khác (không phải là tiếng Việt), Nhà cung cấp phải cấp kèm theo Bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật có thẩm quyền.

- Nhà cung cấp có thể chào giá cho từng phần hoặc toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

- Nhà cung cấp có thể chào giá theo mã yêu cầu hoặc hàng tương đương (đính kèm tài liệu kỹ thuật hàng tương đương, Văn bản xác nhận tương đương của hãng sản xuất,).

- Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp một trong các tài liệu sau (được trình bày bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh):

+ Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;

+ Văn bản của nhà sản xuất (Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật);

+ Bảng so sánh thông số kỹ thuật.

+ Cung cấp 01 hợp đồng cung cấp vật tư thiết bị tương đương (được công chứng/chứng thực) và bản xác nhận của đơn vị sử dụng về tính đáp ứng hệ thống khi thay thế, lắp đặt vào hệ thống có cùng kiểu, loại với hệ thống đang sử dụng của bên mời thầu. Trường hợp hợp đồng không phải tiếng Việt hoặc tiếng Anh phải dịch thuật sang tiếng Việt và được công chứng.

+ Có cam kết hàng hóa do nhà thầu chào đảm bảo tính tương thích, đồng bộ và đảm bảo tính lắp lẫn vào hệ thống/thiết bị của chủ đầu tư đang sử dụng, không gây ảnh

hưởng phụ tới công suất, hiệu quả, tuổi thọ thiết bị của chủ đầu tư (không gián tiếp là nguyên nhân phát sinh làm hư hỏng các bộ phận khác trong hệ thống thiết bị).

+ Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi vật tư, thiết bị nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị.

(Trường hợp cần làm rõ, chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp bổ sung các tài liệu trên. Nếu Nhà thầu không cung cấp bổ sung được theo yêu cầu của bên mời chào giá hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm dịch thuật sang tiếng Việt/tiếng Anh thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật)

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm)

- Hình thức báo giá: ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số 5404/NĐCP-KHĐTVT** gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

- Địa chỉ: Tổ 4, Khu 4A, P. Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 02033 734 900

- Cán bộ phụ trách: Phạm Thị Tuyết; Điện thoại: 0936 825 989

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 09 giờ 00' ngày 05/01/2026 .

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, PTT(1).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hoàng Lân

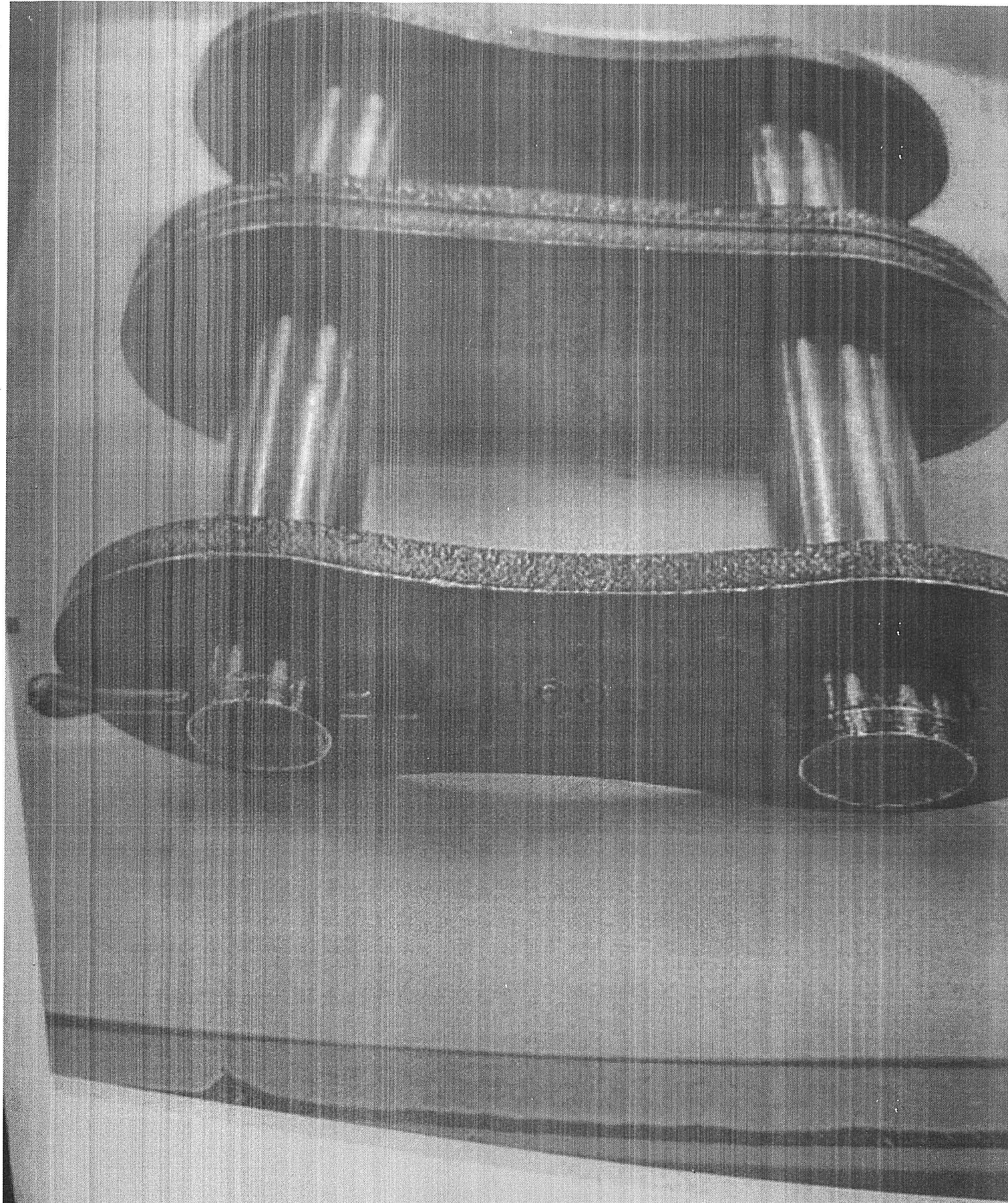
Bảng kê chi tiết đơn hàng
(Đính kèm thư mời chào giá số 5404/NĐCP-KHĐTVT ngày 29 tháng 12 năm 2025)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Bộ gioăng van DN150	Bộ gioăng làm kín Van đĩa xoay FRZ 644TC; DN150; 1,6Mpa; ≤200 độ C (1 bộ gồm gioăng, bạc lót, vòng bi, bề mặt làm kín van...)	Zheng Zhou Free Fluid Control Technology Co.,LTD hoặc tương đương	Bộ	2	
2.	Bộ gioăng van DN200	Bộ gioăng làm kín Van đĩa xoay FRZ 643TC; DN200; 1,6Mpa; ≤200 độ C (1 bộ gồm gioăng, bạc lót, vòng bi, bề mặt làm kín van....)	Zheng Zhou Free Fluid Control Technology Co.,LTD hoặc tương đương	Bộ	2	
3.	Bộ gioăng van DN80	Bộ gioăng làm kín pittong van cổng DN80; Φ100-80mm		Bộ	2	
4.	Cụm van cổng	Động cơ: YDFW222, P=0,55kw; n=1440v/p, tần số 50Hz, điện áp 380v. Giảm tốc: MHKQ 90-2, P=0,37kw, I=16A, R=2v/p, 380v, IP54		Cụm	1	
5.	Gioăng cao su DN200	DN200; Φ280x32mm		Cái	4	
6.	Khoá xích lai	PHC160x2-10FT Bước khoá xích: 50,8mm; đường kính trục khoá xích: 14,2mm; độ dài trục khoá xích: 128mm; độ dày má khoá xích: 6,35mm		Bộ	50	Theo hình ảnh đính kèm
7.	Lò xo nén	N9/680801-03005.	Clyde Bergeman hoặc tương đương	Cái	5	
8.	Mặt cầu DN200	DN200; L= 330mm; bán kính cầu R160mm; vị trí lắp trục Φ44mm; lắp chốt Φ14mm		Cái	2	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
9.	Phốt	N9/H04692-0005.	Clyde Bergeman hoặc tương đương	Cái	2	
10.	Van	Inox SUS 304 DN20 kết nối mặt bích (Mặt bích DN20, vật liệu: SUS304, theo tiêu chuẩn JIS 10K)		Cái	1	
11.	Van 1 chiều	DN65 PN10, kiểu van lá lật kết nối kiểu mặt bích , khoảng cách 2 mặt bích L=115mm		Cái	1	
12.	Van 1 chiều	VOLUME BOSSTER model No 25; SWP 150PSIG; PIPE CONNS 1/4NPT		Cái	1	
13.	Van 1 chiều lá lật	DN200. Vật liệu gang; khoảng cách 2 mặt bích 390mm. 10K - HT200		Cái	1	
14.	Van 1 chiều lò so	DN200, PN10; vật liệu gang khoảng cách 2 mặt bích 350mm. (Mặt bích DN200, Vật liệu: SUS304, theo tiêu chuẩn JIS 10K)		Cái	2	
15.	Van 3 ngã	Mã hiệu: Valbia Code: 82DA0010. Type: DA52 Áp lực làm việc: 8 bar max Nhiệt độ làm việc: -20 độ C đến 85 độ C	Valbia hoặc tương đương	Cái	2	
16.	Van an toàn	Mã hiệu : NSX EMICO, size DN20, vật liệu inox 304 , nhiệt độ tối đa 180 độ C, áp suất 0-11 Bar, kết nối ren 27mm, bước ren 2mm	Emico hoặc tương đương	Cái	1	
17.	Van bi tay gạt	DN65 kết nối ren WOG-2'		Cái	1	
18.	Van bướm điều khiển khí nén kết nối mặt bích	DN200 Áp suất làm việc: PN10+ Nhiệt độ làm việc: 0-80 độ; Thân van: chất liệu gang đúc; Actuator:	Zongchen valve co., LTD hoặc tương	Cái	1	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		cơ cấu đóng mở bằng khí nén, có cơ cấu chuyển van đóng mở bằng tay, van thường đóng, Model: D6K41J/FS-10	đương			
19.	Van bướm tay quay	D341J.10, hai mặt bích DN125-PN10; khoảng cách chiều cao 2 mặt bích 140mm; 8 lỗ, lỗ Ø 17; tâm lỗ 210		Cái	1	
20.	Van bướm tay quay	DN65 PN10 kết nối mặt bích, khoảng cách 2 mặt bích 110mm		Cái	1	
21.	Van cân bằng áp suất (CBAS)	Z644TC-16C; DN80; 1,6Mpa; ≤200 độ C (Gồm cả pistong điều khiển)	Zheng Zhou Free Fluid Control Technology Co.,LTD	Cái	4	
22.	Van cấp quay XG-14	Van cấp quay XG-14 (gồm động cơ, HGT, van quay...), KT miệng đầu vào 300x300mm, kích thước ngoại hình van 775x750x650mm, công suất 1,5kW, Tốc độ quay 30r.p.m (bao gồm động cơ+hộp giảm tốc+van quay và xích lai) bao gồm các chi tiết sau: - Động cơ công suất 1,5KW; 30G-4; I 3,7A; điện áp 380V - Hộp giảm tốc công suất 1,5Kw, tốc độ 120 vòng/phút - Van cấp quay đá vôi XG-14, KT miệng đầu vào 300x300mm, kích thước ngoại hình van 775x750x650mm - Xích lai đơn PHC80-1x10FT, loại 2m		Cụm	2	
23.	Van cầu	DN65 TYPE J961Y-P45-190V		Cái	1	
24.	Van đĩa xoay	FRZ 643TC; DN200; 1,6Mpa; ≤ 200 độ C (gồm van và cơ cấu điều khiển), Rotating Disc Valve (kèm ống nhún bảo vệ xilanh)	Zheng Zhou Free Fluid Control Technology Co.,LTD)	Bộ	7	
25.	Van đĩa xoay	FRZR 644TC; DN150; t ≤ 200 độ C; 1,6Mpa (kèm	Zheng Zhou Free Fluid	Bộ	6	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		ống nhún bảo vệ xilanh)	Control Technology Co.,LTD)			
26.	Van khí hồi	AIR RELIEF VALVE AND PIPING D27; VL: SUS304; P/N: 67030200249	Clyde Bergemann hoặc tương đương	Cái	1	
27.	Van phao thủy lực	Kiểu mặt bích DN300, PN16, chất liệu gang, nhiệt độ 80 độ C, khoảng cách bích 615mm, 16 lỗ bu lông		Cái	1	
28.	Van tay	Van tay kết nối mặt bích DN80 PN16, Vật liệu: SUS304; Mặt bích: 8 lỗ bu lông, phi 18, Chiều dày mặt bích 20mm		Cái	4	
29.	Van tay	Van tay chặn mặt bích DN200 PN16 (1,6Mpa), chiều dài van 400mm, Vật liệu: SUS304, chiều dày mặt bích kết nối 23mm		Cái	7	



Hình ảnh đính kèm Mục hàng số 6 - Thủ môn số 5464/NĐP-KH

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)
Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)
Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quý cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)	Thời gian giao hàng
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá (ghi đầy đủ hãng/ nước sản xuất)				8%	10%		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Hàng hóa thứ nhất.												
2	Hàng hóa thứ nhất.												
n	Hàng hóa thứ n												
													

1. Giao hàng:

- a) Thời gian giao hàng: (Chi tiết theo bảng trên)
b) Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:.....

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Hàng hóa được sản xuất năm (trở lại đây)
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).
4. Bảo hành (nếu có):
5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa)